



Mã nhận dạng 16074

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi

001_DH19NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **11/02/2022**

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD105

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154054	Nguyễn Trung Kiên	DH16OT			1	1,8	1,8	4,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT			1	1,9	3,5	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK			1	1,9	2,5	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			1	2	3,2	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19118067	Phạm Trung Hiếu	DH19CK							○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			1	1,9	1,8	4,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19130141	Phạm Hoàng Nam	DH19OT			1	1,9	1,8	4,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL			1	2	2,8	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL			0,8	1,8	2,5	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL			1	1,8	1,8	4,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19137012	Nguyễn Văn Đám	DH19NL			1	1,8	3	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL			0,8	1,9	4,7	7,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL			1	1,8	6,0	8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL			1	1,8	1,8	4,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL			1	1,8	2	4,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL			1	1,9	4,2	7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16074

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **001_DH19NL_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **11/02/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD105

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL			1	1,9	1,8	4,7	0012345678910	0123456789
18	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL			1	1,8	1,8	4,6	0012345678910	0123456789
19	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL			0,9	1,9	3,8	6,6	0012345678910	0123456789
20	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL			1	1,8	1,8	4,6	0012345678910	0123456789
21	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT			1	1,9	4,6	7,5	0012345678910	0123456789
22	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT			1	1,9	4,6	7,5	0012345678910	0123456789
23	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT			1	1,9	5,2	8,1	0012345678910	0123456789
24	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT			0,8	1,9	4,8	7,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 24. Số sinh viên vắng 1....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16075

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **002_DH19NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **11/02/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD304**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			0	1,2	1,5	2,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			1	1,9	2,1	5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			1	2	2,1	5,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL			0,9	2	4,2	7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL			1	1,8	1,5	4,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL			1	1,8	1,7	4,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL			0,9	1,8	1,7	4,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL			1	1,8	2,2	5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL			1	1,5	1,5	4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL			1	1,8	1,5	4,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	19154110	Huỳnh Đức Nhuận	DH19OT			0	0	1,5	1,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	19154124	Phan Văn Phương	DH19OT							○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT			1	1,9	4,2	7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 16075

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **002_DH19NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **11/02/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD304**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12. Số sinh viên vắng 1....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 npth

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Thị Phương Thảo

Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 16076

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **003_DH19NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **11/02/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154089	Hồ Lê Quốc Thanh	DH16OT					v		● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL			0,9	1,9	2,4	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19137065	Phạm Phước Thắng	DH19NL			0,8	1,8	1,5	4,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL			1	2	4,8	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL					v		● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL			1	1,5	1,5	4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL			0,8	1,8	4,6	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT			1	2	4,9	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT			1	2	5,7	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT			1	2	3,9	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19154168	Lê Chánh Tính	DH19OT			1	2	5,3	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT			1	1,9	4,3	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT			1	2	4,7	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT			1	1,9	4,7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT			1	1,8	4,6	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16076

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **003_DH19NL_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **11/02/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi **15**. Số sinh viên vắng **2**...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Hoàng Quang Tuấn

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 16149

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi

001_DH19CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

RD101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118088	Nguyễn Hoàn Phước	Lộc	DH16CC		1,9	1,5	2,9	6,3	0012345678910	0123456789
2	16154054	Nguyễn Trung	Kiên	DH16OT		1,9	1,5	3,5	6,9	0012345678910	0123456789
3	17118027	Nguyễn Anh	Duy	DH17CC		1,8	1,5	3,5	6,8	0012345678910	0123456789
4	19118029	Nguyễn Hữu	Đang	DH19CK		1,8	2,5	4,4	8,7	0012345678910	0123456789
5	19118043	Huỳnh Quốc	Dũng	DH19CC		1,8	1	2,7	5,5	0012345678910	0123456789
6	19118044	Trần Nhật	Dũng	DH19CC		0	1,5	3,5	5	0012345678910	0123456789
7	19118049	Huỳnh Khánh	Duy	DH19CC		0	1,5	2	3,5	0012345678910	0123456789
8	19118055	Lê Tấn	Hải	DH19CC		1,9	2,9	2,6	7,4	0012345678910	0123456789
9	19118072	Lăng Ngọc	Hoàng	DH19CK		0	1	1,5	2,5	0012345678910	0123456789
10	19118074	Ngô Minh	Hoàng	DH19CC		0	1,4	2,1	3,5	0012345678910	0123456789
11	19118101	Lê Duy	Kha	DH19CC		1,8	2	2,5	6,3	0012345678910	0123456789
12	19118133	Trần Hữu Khánh	Luân	DH19CC		1,8	2,1	3,1	7	0012345678910	0123456789
13	19118140	Nguyễn Hoàng	Mạnh	DH19CC		1,8	1,8	3	6,6	0012345678910	0123456789
14	19137001	Nguyễn Duy	An	DH19NL				✓		0012345678910	0123456789
15	19137007	Nguyễn Vương	Chiến	DH19NL		1	1,7	2,6	5,3	0012345678910	0123456789
16	19137014	Trần Minh	Đạt	DH19NL		2	1,5	2,5	6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16149

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi

001_DH19CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

RD101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL			1,4	2	2,3	5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL			1,8	1,5	2,8	6,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	19137026	Nguyễn Phúc Gia	DH19NL					v		○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	19137027	Nguyễn Trần Gia	DH19NL				1,5	1,8		○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL			2	1,5	2,3	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT			1,8	1,5	2,8	6,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT			1,8	1,4	2,8	6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi 22 Số sinh viên vắng 2....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Quang Dũng

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 16150

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **002_DH19CC_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi

RD406

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154041	Nguyễn Minh Nhật	Quyền	DH15OT		1,8	1,5	3,3	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	17118090	Trương Công	Sinh	DH17CK		0	1,5	3	4,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	17138042	Nguyễn Trung	Quân	DH17TD		1,6	1,3	3,6	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	17153045	Nguyễn Thanh	Nam	DH17CD		1,9	1,4	2,8	6,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	17153053	Đoàn Trần Minh	Nhật	DH17CD		2	1,8	3,9	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	18118104	Nguyễn Thanh	Phi	DH18CK		1,8	1,7	3	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	18137031	Nguyễn Thành	Phát	DH18NL		2	1,1	3,9	7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19118148	Huỳnh Hoài	Nam	DH19CK		1,8	1,8	2,8	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19118164	Trần Thanh	Nhân	DH19CC		0	2,1	3,3	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19118178	Phạm Hoàng	Phong	DH19CC				v		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19118186	Nguyễn Ngọc	Quân	DH19CC		1,8	1,5	2,9	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19118202	Nguyễn Minh	Tâm	DH19CC				v		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19137052	Hoàng Ngọc Nhật	Quang	DH19NL		1,8	1,8	4,4	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19137056	Trần Nguyễn	Sang	DH19NL		1,8	1	2,6	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19137059	Hồ Anh	Tài	DH19NL		1,8	1,8	3	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19137060	Hoàng Nhân	Tài	DH19NL		1,8	2,3	2,7	6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16150

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **002_DH19CC_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi

RD406

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154118	Não Hoài Phúc	DH19OT			0	1,5	2,5	4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 17. Số sinh viên vắng 2.....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Quang Minh

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 16151

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **003_DH19CC_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi

RD404

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK			0	1,7	2,7	4,4	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD			1,8	1,8	3,5	7,1	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			1,8	1,9	2,9	6,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			0	1,8	3,6	5,4	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC			1,6	1,4	3,6	6,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			1,8	1,4	2,6	5,8	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC			0	1,4	3,9	5,3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC			1,8	1,8	2,9	6,5	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC			1,7	1	2,5	5,2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC			1,8	1,2	2,3	5,3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC			2	2,1	3	7,1	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118260	Nguyễn Nhật Trường	DH19CC			1,8	1,8	3	6,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			1,9	1,7	2,5	6,1	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL			2	1,7	3,6	7,3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL			2	1,5	2	5,5	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			1,8	2,1	3,2	7,1	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16151

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **003_DH19CC_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi

RD404

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD					✓		● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19154163	Lê Minh Tiến	DH19OT			1,8	1,5	2,8	6,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 18. Số sinh viên vắng 1.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 16152

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **001_DH19CC_02**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD304

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC			1,8	1,4	2,9	6,1	0012345678910	0123456789
2	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC			1,9	1,5	3	5,4	0012345678910	0123456789
3	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC			1,9	1,4	1,5	4,4	0012345678910	0123456789
4	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC			1,6	1,7	1,5	4,8	0012345678910	0123456789
5	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC			1,8	1,2	1,1	4,1	0012345678910	0123456789
6	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC			1,8	1	2,3	5,1	0012345678910	0123456789
7	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC			1,8	1,5	1,8	5,1	0012345678910	0123456789
8	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC			1,6	1,5	0,5	3,6	0012345678910	0123456789
9	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC			1,9	1,1	3,3	6,3	0012345678910	0123456789
10	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC			1,6	1	1	3,6	0012345678910	0123456789
11	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC			1,8	1,7	1,8	5,3	0012345678910	0123456789
12	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC			1,9	2,4	3,5	7,8	0012345678910	0123456789
13	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC			1,5	1	2,9	5,4	0012345678910	0123456789
14	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC			1,5	1	2,5	5	0012345678910	0123456789
15	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC			1,9	1,1	1,3	4,3	0012345678910	0123456789
16	19118039	Bùi Ngọc Điệp	DH19CC			1,8	0,5	1,8	4,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16152

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **001_DH19CC_02**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118041	K'	Đông	DH19CC		1,9	1,5	1	4,4	0012345678910	0123456789
18	19118046	Nguyễn Văn	Dương	DH19CC				v		0012345678910	0123456789
19	19118048	Dương Hoàng	Duy	DH19CC		1,9	1,5	2,9	6,3	0012345678910	0123456789
20	19118051	Phan Phúc	Duy	DH19CC		1,8	1	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
21	19118057	Huỳnh Gia	Hào	DH19CC		1,8	1,2	1,8	4,8	0012345678910	0123456789
22	19118059	Nguyễn Chí	Hào	DH19CC		1,9	0,7	2,1	4,7	0012345678910	0123456789
23	19118060	Dương Trung	HẬU	DH19CC		1,9	1,5	3,5	6,9	0012345678910	0123456789
24	19154014	Vũ Thành	Công	DH19OT				v		0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 24. Số sinh viên vắng 2.....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Quang Miếu

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16153

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi

002_DH19CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD104

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118061	Lê Lý	HẬu	DH19CC		1,9	1	3,3	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19118079	Trần Lê Phúc	HỘI	DH19CC		1,9	1,2	2,4	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	19118084	Trần Trọng	HỮu	DH19CC		1,9	2,3	2,9	7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19118085	Đặng Minh	Huy	DH19CC		1,8	1,1	3,8	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
5	19118087	Đỗ Quốc	Huy	DH19CC		1,9	1,1	2,5	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19118094	Nguyễn Nam	Huy	DH19CC		1,8	1,1	1,9	4,8	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
7	19118095	Nguyễn Quang	Huy	DH19CC		1,5	1,2	2,2	4,9	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
8	19118102	Nguyễn Văn	Khá	DH19CC		1,9	2,9	3,8	8,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
9	19118103	Mai Hoàng	KHải	DH19CC		1,9	2,4	2	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19118104	Nguyễn Chí	KHải	DH19CC		1,5	1,2	2	4,7	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
11	19118105	Lý Nhứt	Khang	DH19CC		1,9	1	2,5	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19118110	Lâm Hào	Khôn	DH19CC		1,9	1	3	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
13	19118115	Phù Thiết	Ki	DH19CC				v	v	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19118116	Lâm Văn	La	DH19CC		1,9	0,7	2,5	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19118122	Đinh Kỳ	Linh	DH19CC		1,8	1,5	3,3	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
16	19118131	Lê Hoàng	Long	DH19CC		1,9	2,4	3,3	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16153

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **002_DH19CC_02**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD104

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118134	Lý Kim	Luận			1,9	1,1	3,1	6,1	0012345678910	023456789
18	19118135	Trần Hữu	Luận			0	0	2,4	2,4	0012345678910	0123456789
19	19118139	Đình Minh	Mẫn			1,5	1,8	1,5	4,8	0012345678910	0123456789
20	19118145	Nguyễn Văn	Minh			1,9	1,7	2,9	6,5	0012345678910	0123456789
21	19118146	Thạch	Minh			1,9	1,8	2,6	6,3	0012345678910	0123456789
22	19118150	Nguyễn Hoài	Nam			1,8	1,2	1,3	4,3	0012345678910	0123456789
23	19118154	Phạm Minh	Nghĩa			1,8	1,2	2,8	5,8	0012345678910	0123456789
24	19118159	Đình Quang	Nguyên			1,9	0,7	1,6	4,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16154

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **003_DH19CC_02**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD406

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT			1,9	1	3,3	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC			1,9	1	3	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
3	19118162	Nguyễn Duy Trọng	DH19CC					v		○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC			1,8	2	3,3	7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC			1,8	1,2	1,8	4,8	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
6	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC			1,9	1,7	1,5	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC			1,9	1,5	3,7	7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC			1,8	1,7	2,5	6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC			1,8	1,8	1,5	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC			1,8	1,5	1,2	4,5	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			1,8	1,5	1,2	4,5	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			1,9	1,2	2,7	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
13	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC			1,8	1,2	2,8	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
14	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC			1,8	1,8	2	5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
15	19118217	Phan Trung Thành	DH19CC					v		○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			1,8	1,8	2	5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16154

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **003_DH19CC_02**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD406

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 16. Số sinh viên vắng 2...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 16155

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **004_DH19CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD401**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118230	Nguyễn Thị Anh	Thư	DH19CC		1,9	2,6	3,5	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19118233	Nguyễn Nam	Thuận	DH19CC		1,9	1,5	2	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	19118235	Trần Thành	Tiên	DH19CC		1,8	2,3	3,3	7,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19118236	Phạm Vũ Nhật	Tiến	DH19CC		1,8	1,8	2,1	5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
5	19118244	Nguyễn Phúc	Toại	DH19CC		1,8	2,3	2,3	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19118245	Nguyễn Văn	Toán	DH19CC		1,8	2,9	2,6	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19118250	Huỳnh Trần Bảo	Trần	DH19CC		1,9	1,8	1,5	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19118251	Trần Thị Thiên	Trang	DH19CC		1,9	2,1	1,5	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19118258	Vũ Đình	Trung	DH19CC		1,8	2	2,4	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19118262	Thái Văn	Trường	DH19CC		1,9	2,6	3,8	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19118263	Võ Văn	Tư	DH19CC		1,9	1,2	2,7	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
12	19118269	Trần Nguyễn Đức	Tuấn	DH19CC		1,6	1	1,8	4,4	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19118278	Phan Văn	Vĩnh	DH19CC		1,8	0,8	1,5	4,1	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19118279	Bùi Bá	Vũ	DH19CC		1,8	1,2	2,5	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19118280	Nguyễn Hoàng	Vũ	DH19CC		1,9	2	2,6	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19118284	Lâm Tuấn	Vỹ	DH19CC		1,8	1,2	2,3	5,3	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16155

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **004_DH19CC_02**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD401

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 16. Số sinh viên vắng 0....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Trưởng Đoàn Thi



Mã nhận dạng 16156

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_03**

Tổ Thi **001_DH19CK_03**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi

RD105

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118016	Tăng Duy Bảo	DH16CK			1	0,8	2,3	4,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	16154021	Phạm Hồng Đức	DH16OT			1,6	1	2,5	5,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	17154029	Phan Thanh Hiếu	DH17OT			1	1,2	3,3	5,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT			1	1,2	3,9	6,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD			1	1,5	2	4,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK			1,7	0,8	2,5	5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK			1,6	0,8	3	5,4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	19118010	Lê Thái Thiên	DH19CK			1,6	1,3	2,5	5,4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	19118011	Ngô Quốc	DH19CK			1,7	0,8	3	5,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			0,5	1,3	2,7	4,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			1,9	1,5	3,5	6,9	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
12	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK			1,7	1,2	2,5	5,4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK			1,7	1	2	4,7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
14	19118031	Trần Đức	DH19CK			1,7	1,2	2,8	5,7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
15	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK			0,5	1	2,5	4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	19118040	Lê Văn Đò	DH19CK			1,7	1	3,1	5,8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨



Mã nhận dạng 16156

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_03**

Tổ Thi **001_DH19CK_03**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi

RD105

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			1,9	0,7	2	4,6	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
18	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			1,9	0,7	3	5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
19	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK			0	0	1	1	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	19118067	Phạm Trung Hiếu	DH19CK					v		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK			1,7	1,5	3,3	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			1,7	1	2,8	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK			1,7	1,5	3,1	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	19118098	Trần Quốc Huy	DH19CK					v		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi 24. Số sinh viên vắng 2...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trần Quốc Huy

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày in : 24/01/2022

Mã nhân dạng 16157

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 002 DH19CK_03

Tên CBGD Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 23/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi **RD304**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK			1	1,5	3	5,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD			1	1	2,3	4,3	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	17154067	Nguyễn Văn Nhật	DH17OT			1	1,5	3,3	5,8	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
4	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			1,9	0	3,2	5,1	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK			1,7	1	3,3	6	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK			1,7	1,2	3,9	6,8	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
7	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK			1,7	1	2,9	5,6	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
8	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			0	1	1,5	2,5	○ ○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK			1,7	1,5	3	6,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK			1,7	2	3,6	7,3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK			1,6	1,3	2,3	5,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19118125	Nguyễn Văn Linh	DH19CC					v		● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK			1,7	1,5	3	6,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK			1,7	1,8	3,6	7,1	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19118129	Nguyễn Bá Lợi	DH19CK			1,7	1,8	3,4	6,9	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
16	19118137	Bùi Duy Lữ	DH19CK			1,9	1	3,5	6,4	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16157

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_03**

Tổ Thi **002_DH19CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD304**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118142	Đặng Nguyễn Nhật	Minh	DH19CK				v		● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19118143	Lê Công	Minh	DH19CK		0,5	0,7	3	4,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19118144	Lê Trần Nhật	Minh	DH19CK		1,9	1,3	2,6	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19118147	Hoàng Phương	Nam	DH19CK		1,7	0,8	3,2	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19118149	Lâm Nhật	Nam	DH19CK		0,5	1	2,8	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19118151	Trần Duy Nhật	Nam	DH19CK		0,5	1,4	2,1	4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19118167	Phạm Thế	Nhật	DH19CK		1,9	2,8	2,6	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19130141	Phạm Hoàng	Nam	DH19OT		1,7	1,4	3	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Ngày in : 24/01/2022

Nguyễn Quang Tuấn

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 003 DH19CK_03

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 23/01/2022

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi

RD104

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK			1	0	3,2	4,2	0012345678910	0123456789
2	19118168	Thân Văn Nhớ	DH19CK			0,5	1,2	3,1	4,8	0012345678910	0123456789
3	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK			0,5	1,3	3	4,8	0012345678910	0123456789
4	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK			1,8	1,1	2,8	5,7	0012345678910	0123456789
5	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			1,8	1,5	3,5	6,8	0012345678910	0123456789
6	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC			0,5	1,2	2,3	4	0012345678910	0123456789
7	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			1,7	1,4	2,4	5,5	0012345678910	0123456789
8	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC			1,6	2	2,3	5,9	0012345678910	0123456789
9	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			1,2	1,3	2,8	5,3	0012345678910	0123456789
10	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			1,7	2,6	4	8,3	0012345678910	0123456789
11	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK			1,6	2,4	3,3	7,3	0012345678910	0123456789
12	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK			1,6	1,2	2,3	5,1	0012345678910	0123456789
13	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK			0,5	1,8	2,8	5,1	0012345678910	0123456789
14	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			1,8	1,2	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
15	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			1,7	1,4	2,3	5,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16158

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_03**

Tổ Thi **003_DH19CK_03**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi

RD104

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trưởng Bộ môn/Khoa



Mã nhận dạng 16159

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_03**

Tổ Thi

004_DH19CK_03

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi

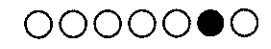
10:30

Phòng Thi

RD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			1	1,5	3	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			1	1,3	2,8	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK					v		○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19118232	Ngô KẾ Minh Thuận	DH19CK			1,6	1,2	1,8	4,6	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
5	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			0,5	2,9	2	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19118242	Phan Đặng Hoài Tình	DH19CK			1,9	1,6	3,1	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
7	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK			1,9	1,2	3,3	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK			1,7	1,2	3,3	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK			1,7	1,6	3,8	7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19118265	Dương Hữu Tuấn	DH19CC					v		● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK			1,7	1,4	2,4	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19118272	Nguyễn Quốc Vĩ	DH19CK			0,5	1,3	2,2	4	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK			1,9	1,2	2,5	5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
14	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK			1,9	1,2	3,3	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK			1,2	1,3	3	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16159

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_03**

Tổ Thi **004_DH19CK_03**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **23/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi

RD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 15... Số sinh viên vắng 2....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

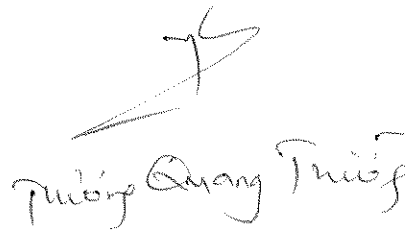
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Trưởng Quang Trung



Mã nhận dạng 00435

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD			2	6,8		8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	19138016	Nguyễn Thị Thuỷ Duyên	DH19TD			2	6,4		8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19138024	Võ Ngọc Hội	DH19TD			2	5,6		7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	DH19TD			2	6,4		8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD			2	6,4		8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19138039	Bùi Tuấn Khoa	DH19TD			✓	✓		✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19138040	Nguyễn Ngọc Khoa	DH19TD			✓	✓		✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD			2	5,6		7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138042	Nguyễn Cao KỲ	DH19TD			2	6,4		8,4	0012345678910	0123456789
18	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD			2	6		8,0	0012345678910	0123456789
19	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD			2	6		8,0	0012345678910	0123456789
20	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD			2	7		9,0	0012345678910	0123456789
21	19138061	Nguyễn Châu Phi	DH19TD			✓	✓		✓	0012345678910	0123456789
22	19154124	Phan Văn Phương	DH19OT			2	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
23	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT			2	6,4		8,4	0012345678910	0123456789
24	17154096	Nguyễn Tấn Thọ	DH17OT			2	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
25	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT			2	7,2		9,2	0012345678910	0123456789
26	19153089	Phạm Lê Tấn Trường	DH19CD			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Trưởng Ban Tài chính

Cán bộ chấm thi 1

N.V. Kiệp

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hữu Hòa



Mã nhận dạng 18587

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207235)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi 001_DH19CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

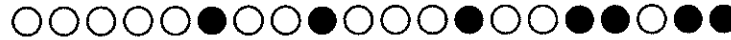
Ngày Thi 02/03/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			8	5	5	5.6	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC			9	4	5	5.6	0012345678910	0123456789
3	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC			8	4	4	4.8	0012345678910	0123456789
4	19118295	Huỳnh Tấn HỌc	DH19CKC			8	4	5	5.4	0012345678910	0123456789
5	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC			9	6	5	6.0	0012345678910	0123456789
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			9	4	5	5.6	0012345678910	0123456789
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			9	4	4	5.0	0012345678910	0123456789
8	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			8	5	5	5.6	0012345678910	0123456789
9	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			8	5	6	6.2	0012345678910	0123456789
10	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			9	6	4	5.4	0012345678910	0123456789
11	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			8	6	4	5.2	0012345678910	0123456789
12	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			9	6	6	6.0	0012345678910	0123456789
13	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			9	5	4	5.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18587

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207235)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi 001_DH19CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 02/03/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 13 Số sinh viên vắng ...0..

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

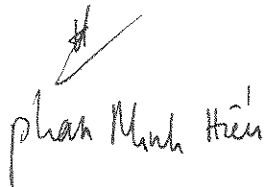
Cán bộ coi thi 1

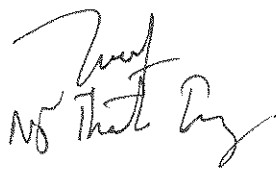
Cán bộ coi thi 2

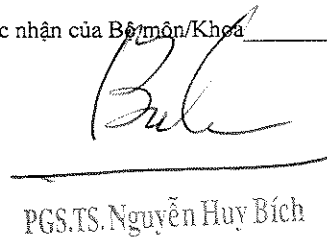
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

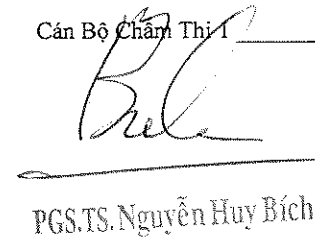
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Phan Minh Hiền


Ngô Thanh Bình


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 16245

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy làm đất(207303)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi TINCHI_01

Tổ Thi 001_TINCHI_01

Tên CBGD Phạm Duy Lam

Ngày Thi 25/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD105

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK							0012345678910	0123456789
2	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
3	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
4	17118058	Trần Ngọc Minh	DH17CK			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
5	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 16 Tháng 03 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam

Nguyễn Văn Khanh

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Phạm Duy Lam



Mã nhận dạng 14393

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy làm đất(207303)

Nhóm Thi TINCHI_01

Tổ Thi 001_TINCHI_01

Ngày Thi 14/09/2021

Giờ Thi 08:00

Số Tín Ch 3

Tên CBGD Phạm Duy Lam

Phòng Thi RD103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK			7,5	7,5	7,5	7,5	00012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 16 Tháng 03 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam Nguyễn Văn Hân

TS. Nguyễn Đức Khuyên

Phạm Duy Lam



Mã nhận dạng 18589

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động cơ đốt trong(207333)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_01**

Tổ Thi **001_DH19OT_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Tuấn Anh**

Ngày Thi **04/03/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD305**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT			8.0	10.0	6.0	7.0	0012345678910	0123456789
2	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT			8.0	10.0	2.4	4.8	0012345678910	0123456789
3	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT			7.0	7.0	3.0	4.6	0012345678910	0123456789
4	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT			8.0	10.0	2.2	4.7	0012345678910	0123456789
5	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT			8.0	9.5	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
6	19154014	Vũ Thành Công	DH19OT							0012345678910	0123456789
7	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT			7.0	8.5	3.5	5.1	0012345678910	0123456789
8	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT			8.5	10.0	4.7	6.4	0012345678910	0123456789
9	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT			8.0	10.0	2.2	4.7	0012345678910	0123456789
10	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			8.0	9.5	3.3	5.4	0012345678910	0123456789
11	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT			8.5	10.0	2.0	4.8	0012345678910	0123456789
12	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT			8.0	10.0	5.3	6.6	0012345678910	0123456789
13	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT							0012345678910	0123456789
14	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT			8.5	10.0	2.7	5.2	0012345678910	0123456789
15	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT			8.0	9.5	2.0	4.6	0012345678910	0123456789
16	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT			8.5	10.0	6.8	7.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18589

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động cơ đốt trong(207333)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_01**

Tổ Thi **001_DH19OT_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Tuấn Anh**

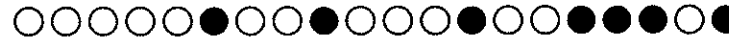
Ngày Thi **04/03/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD305**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT			8.0	9.0	3.9	5.2	0012345678910	0123456789
18	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT			7.5	10.0	2.3	4.6	0012345678910	0123456789
19	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT			7.0	10.0	3.7	5.3	0012345678910	0123456789
20	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT			8.0	10.0	8.0	8.2	0012345678910	0123456789
21	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT			8.5	10.0	5.5	6.9	0012345678910	0123456789
22	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT			8.0	10.0	5.2	6.5	0012345678910	0123456789
23	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT			7.0	9.0	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
24	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT			8.5	0.5	2.8	5.2	0012345678910	0123456789
25	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT			8.0	9.5	3.3	4.7	0012345678910	0123456789
26	19154050	Hà Ngọc Quốc	DH19OT			7.0	10.0	5.3	6.3	0012345678910	0123456789
27	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT			8.0	9.5	3.7	5.6	0012345678910	0123456789
28	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT			8.0	10.0	2.8	5.1	0012345678910	0123456789
29	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT			9.0	10.0	5.0	6.7	0012345678910	0123456789
30	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT							0012345678910	0123456789
31	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT			8.0	10.0	4.1	5.9	0012345678910	0123456789
32	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT			8.0	10.0	1.5	4.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18589

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi 001_DH19OT_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 04/03/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD305

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT							0012345678910	0123456789
34	19154065	Diệp Vi Khang	DH19OT			8.0	10.0	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
35	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT			8.0	10.0	3.0	5.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3/4. Số sinh viên vắng 1/4.

Ngày 28 Tháng 03 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Trí

Nguyễn Thành Trí

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Nguyễn Văn Tuấn Anh



Mã nhận dạng 18590

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động cơ đốt trong(207333)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_01**

Tổ Thi **002_DH19OT_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Tuấn Anh**

Ngày Thi **04/03/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154068	Nguyễn Hồ Bảo	Khang	DH19OT						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19154070	Phan Văn	Khang	DH19OT	<i>Phan Văn</i>	8.0	9.0	2.2	4.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19154071	Võ Minh	Khang	DH19OT	<i>Võ Minh</i>	8.0	9.5	2.2	4.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19154074	Trần Công	Khánh	DH19OT	<i>Trần Công</i>	8.0	9.5	4.0	5.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19154075	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	DH19OT						○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19154077	Trương Đăng	Khoa	DH19OT	<i>Trương Đăng</i>	8.0	10.0	9.5	4.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18154057	Đặng Nguyễn Minh	Kiên	DH18OT	<i>Đặng Nguyễn Minh</i>	7.5	10.0	4.2	5.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154078	Đoàn Thế	Kiệt	DH19OT	<i>Đoàn Thế</i>	7.0	10.0	2.7	4.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19154079	Hồ Tuấn	Kiệt	DH19OT	<i>Hồ Tuấn</i>	8.0	10.0	3.0	5.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19154081	Trương Bảo	Lam	DH19OT						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19154082	Đặng Quang	Lâm	DH19OT	<i>Đặng Quang</i>	8.0	10.0	1.0	4.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19154083	Nguyễn Bảo	Lâm	DH19OT	<i>Nguyễn Bảo</i>	8.5	9.0	2.8	5.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19154089	Trần Đức	Lợi	DH19OT	<i>Trần Đức</i>	8.0	9.5	3.0	5.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19154092	Trần Đức	Mạnh	DH19OT	<i>Trần Đức</i>	8.0	10.0	3.3	5.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19154093	Nguyễn Lê Anh	Minh	DH19OT	<i>Nguyễn Lê Anh</i>	8.0	10.0	2.3	4.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19154095	Nguyễn Xuân	Minh	DH19OT	<i>Nguyễn Xuân</i>	8.0	10.0	3.4	5.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 18590

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi 002_DH19OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 04/03/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154096	Nguyễn Hà Phương	Nam	DH19OT		8.0	9.5	2.3	4.7	0012345678910	0123456789
18	19154099	Nguyễn Trọng	Nghĩa	DH19OT		8.0	10.0	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
19	19154100	Trần Hoàng	Nghiêm	DH19OT		8.0	10.0	3.2	5.3	0012345678910	0123456789
20	19154102	Nguyễn Cao	Nguyên	DH19OT						0012345678910	0123456789
21	19154107	Đình Minh	Nhật	DH19OT		8.0	10.0	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
22	19154108	Trương Minh	Nhật	DH19OT		8.0	10.0	1.1	4.1	0012345678910	0123456789
23	19154104	Trần Thanh	Nguyễn	DH19OT		8.0	9.5	1.8	4.4	0012345678910	0123456789
24	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh	Nhật	DH19OT		8.0	10.0	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
25	19154118	Nào Hoài	Phúc	DH19OT						0012345678910	0123456789
26	19154120	Lục Lưu	Phước	DH19OT						0012345678910	0123456789
27	19154123	Phạm Minh	Phương	DH19OT		8.0	10.0	3.0	5.2	0012345678910	0123456789
28	19154125	Võ Anh	Phương	DH19OT		7.5	10.0	2.0	4.5	0012345678910	0123456789
29	19154126	Nguyễn Mạnh	Quang	DH19OT		8.0	10.0	2.0	4.6	0012345678910	0123456789
30	19154129	Phạm Ngọc	Sang	DH19OT		8.5	10.0	6.2	7.3	0012345678910	0123456789
31	19154130	Trần Huỳnh Ngọc	Sang	DH19OT		8.0	10.0	4.3	6.0	0012345678910	0123456789
32	19154131	Lê Hoàng	Son	DH19OT		6.0	10.0	2.0	4.0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 18590

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi 002_DH19OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 04/03/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154132	Nguyễn Văn Sy	DH19OT							0012345678910	0123456789
34	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT	Tài		8.0	10.0	2.8	5.1	0012345678910	0123456789
35	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT	Tân		7.5	10.0	4.0	5.7	0012345678910	0123456789
36	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT	Tấn		8.0	10.0	2.0	4.6	0012345678910	0123456789
37	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT	Thái		7.0	10.0	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
38	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT	Thái		7.0	10.0	4.3	5.7	0012345678910	0123456789
39	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT	Thanh		8.0	9.5	4.4	6.0	0012345678910	0123456789
40	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT	Thành		8.0	9.5	1.8	4.4	0012345678910	0123456789
41	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT	Thành		7.0	9.5	4.0	5.5	0012345678910	0123456789
42	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT	Thành		7.0	10.0	4.3	5.7	0012345678910	0123456789
43	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT	Thành		7.0	10.0	6.0	6.7	0012345678910	0123456789
44	19154148	Lương Tấn Thành	DH19OT	Thành		8.0	10.0	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
45	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT	Thắng		7.0	10.0	4.0	5.5	0012345678910	0123456789
46	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT							0012345678910	0123456789
47	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT	Thiện		8.0	10.0	4.3	6.0	0012345678910	0123456789
48	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT	Thông		7.0	10.0	2.3	4.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18590

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động cơ đốt trong(207333)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_01**

Tổ Thi **002_DH19OT_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Tuấn Anh**

Ngày Thi **04/03/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT			8.0	10.0	1.6	4.4	0012345678910	0123456789
50	19154162	Son Minh Thuận	DH19OT			7.0	9.0	1.5	3.9	0012345678910	0123456789
51	18154123	Trương Văn Thúc	DH18OT			8.0	10.0	2.6	5.0	0012345678910	0123456789
52	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT			8.0	10.0	3.4	5.4	0012345678910	0123456789
53	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT			6.0	10.0	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
54	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT			8.0	10.0	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
55	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT							0012345678910	0123456789
56	19154168	Lê Chánh Tính	DH19OT							0012345678910	0123456789
57	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT			8.0	10.0	2.7	5.0	0012345678910	0123456789
58	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT			8.0	9.5	4.8	6.2	0012345678910	0123456789
59	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK			8.0	10.0	4.0	5.8	0012345678910	0123456789
60	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT			8.0	10.0	3.4	5.4	0012345678910	0123456789
61	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT			8.0	10.0	4.0	5.8	0012345678910	0123456789
62	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT			8.0	10.0	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
63	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT			8.0	10.0	1.6	4.4	0012345678910	0123456789
64	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT			7.0	10.0	2.3	4.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18590

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi 002_DH19OT_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 04/03/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 32%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT			8.0	10.0	2.0	4.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT			8.0	10.0	3.5	5.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT			8.0	9.0	2.3	4.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	19154197	Trần Thế Vỹ	DH19OT			8.0	10.0	2.0	4.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 58. Số sinh viên vắng 11.

Ngày 28 Tháng 03 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Tuấn Anh Bên Cổng Học

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Nguyễn Văn Tuấn Anh



Mã nhận dạng 18591

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động cơ đốt trong(207333)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi **001_DH19OT_02**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Tuấn Anh**

Ngày Thi **04/03/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT			7.5	10.0	4.6	6.0	0012345678910	0123456789
2	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT			7.5	10.0	3.1	5.1	0012345678910	0123456789
3	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT			8.0	10.0	4.0	5.8	0012345678910	0123456789
4	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT			8.0	9.5	3.6	5.5	0012345678910	0123456789
5	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT			9.0	10.0	4.3	6.3	0012345678910	0123456789
6	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK							0012345678910	0123456789
7	19154032	Võ Trùng Dương	DH19OT			8.0	9.5	6.1	7.0	0012345678910	0123456789
8	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT			7.0	8.0	4.5	5.6	0012345678910	0123456789
9	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT			8.0	8.5	3.0	5.1	0012345678910	0123456789
10	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT			7.5	9.5	6.7	7.2	0012345678910	0123456789
11	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT			7.5	10.0	3.8	5.5	0012345678910	0123456789
12	19154048	Trần Hòa	DH19OT			8.0	10.0	7.0	7.6	0012345678910	0123456789
13	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT							0012345678910	0123456789
14	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			7.5	9.5	2.8	4.9	0012345678910	0123456789
15	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL			8.0	9.5	9.0	4.6	0012345678910	0123456789
16	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT			8.0	10.0	3.5	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18591

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi 001_DH19OT_02

Tên CBGD Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 04/03/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT			8.0	9.0	3.0	5.1	0012345678910	0123456789
18	19154069	Phạm Đỗ Bảo Khang	DH19OT							0012345678910	0123456789
19	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT			8.0	10.0	2.8	5.1	0012345678910	0123456789
20	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT			8.0	10.0	2.4	4.8	0012345678910	0123456789
21	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT			8.0	10.0	3.3	5.4	0012345678910	0123456789
22	19154090	Trịnh Đình Vũ Long	DH19OT			8.0	9.5	6.0	7.0	0012345678910	0123456789
23	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT			9.0	10.0	6.0	7.3	0012345678910	0123456789
24	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT			8.0	10.0	2.8	5.1	0012345678910	0123456789
25	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT							0012345678910	0123456789
26	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT			8.0	10.0	3.1	5.3	0012345678910	0123456789
27	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT							0012345678910	0123456789
28	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT			7.0	10.0	4.2	5.6	0012345678910	0123456789
29	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT			7.0	10.0	2.0	4.3	0012345678910	0123456789
30	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT							0012345678910	0123456789
31	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT			8.0	9.5	5.7	6.8	0012345678910	0123456789
32	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT			8.0	10.0	3.8	5.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18591

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động cơ đốt trong(207333)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi **001_DH19OT_02**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Tuấn Anh**

Ngày Thi **04/03/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT			8.0	10.0	4.2	5.9	0012345678910	0123456789
34	17137058	Ngô Thành Quý	DH17NL							0012345678910	0123456789
35	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT			7.5	10.0	6.1	6.9	0012345678910	0123456789
36	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT			7.5	10.0	5.0	6.3	0012345678910	0123456789
37	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT			9.0	10.0	4.3	6.3	0012345678910	0123456789
38	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT			8.0	10.0	5.7	6.8	0012345678910	0123456789
39	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT			7.0	10.0	4.2	5.6	0012345678910	0123456789
40	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT							0012345678910	0123456789
41	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL			9.0	10.0	1.8	4.8	0012345678910	0123456789
42	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT			8.0	10.0	2.8	5.1	0012345678910	0123456789
43	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT			8.0	9.5	4.8	6.2	0012345678910	0123456789
44	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT			7.5	10.0	1.2	4.0	0012345678910	0123456789
45	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT			7.5	9.5	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
46	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT			8.0	9.5	3.0	5.2	0012345678910	0123456789
47	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT			8.0	10.0	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
48	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT			8.0	10.0	3.7	5.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18591

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi 001_DH19OT_02

Tên CBGD Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 04/03/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT			8.0	10.0	5.3	6.6	0012345678910	0123456789
50	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL			8.0	10.0	2.6	5.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 47 Số sinh viên vắng 8....

Ngày 28 Tháng 03 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hiền

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Nguyễn Văn Tuấn Anh



Mã nhận dạng 18592

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điều hòa không khí(207404)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi

001_DH18NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi **04/03/2022**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD305

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 35%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			10	8,0	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
2	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			10	9,0	10	9,7	0012345678910	0123456789
3	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			9,0	8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
4	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			8,5	10	9,0	9,2	0012345678910	0123456789
5	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			4,0	8,0	7,0	6,7	0012345678910	0123456789
6	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			10	9,0	10	9,7	0012345678910	0123456789
7	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			8,5	8,0	10	9,1	0012345678910	0123456789
8	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			9,5	9,0	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
9	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			8,0	9,0	4,0	6,3	0012345678910	0123456789
10	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			7,5	9,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
11	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			3,0	8,0	8,0	7,0	0012345678910	0123456789
12	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL			7,5	9,0	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
13	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			2,5	9,0	3,0	4,7	0012345678910	0123456789
14	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			2,0	9,0	9,0	7,6	0012345678910	0123456789
15	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			9,0	9,0	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
16	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			2,0	8,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18592

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điều hòa không khí(207404)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi **001_DH18NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Hào**

Ngày Thi **04/03/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD305**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL			7,5	9,0	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
18	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL			7,5	9,0	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
19	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL			5,0	9,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
20	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL			7,5	9,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
21	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL			8,5	9,0	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
22	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL			10	9,0	9,0	9,2	0012345678910	0123456789
23	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL			2,0	9,0	8,0	7,1	0012345678910	0123456789
24	16137083	Huỳnh Trần Minh Trâm	DH16NL			6,0	9,0	4,0	5,9	0012345678910	0123456789
25	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL			9,5	9,0	10	9,6	0012345678910	0123456789
26	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL			10	9,0	7,0	8,2	0012345678910	0123456789
27	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL			2,0	9,0	8,0	7,1	0012345678910	0123456789
28	18137047	Hồng Nguyễn Phi Trường	DH18NL			10	9,0	8,0	8,7	0012345678910	0123456789
29	18137050	Nguyễn Thị Yên	DH18NL			9,0	9,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18592

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điều hòa không khí(207404)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi **001_DH18NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Hào**

Ngày Thi **04/03/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD305**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 24 Số sinh viên vắng 0...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____



Mã nhận dạng 00454

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án kỹ thuật lạnh (207412) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
2	13137019	Nguyễn Văn Bình	DH13NL							0012345678910	0123456789
3	18137006	Bùi Văn Cường	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
4	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL						6,0	0012345678910	0123456789
5	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
6	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
7	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL						6,0	0012345678910	0123456789
8	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL						6,0	0012345678910	0123456789
9	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
10	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
11	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
12	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
13	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
14	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL						6,0	0012345678910	0123456789
15	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
16	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL						6,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án kỹ thuật lạnh (207412) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL						6,0	0012345678910	0123456789
18	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL						6,0	0012345678910	0123456789
19	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL						6,0	0012345678910	0123456789
20	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
21	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL						6,0	0012345678910	0123456789
22	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
23	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
24	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
25	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
26	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL						6,0	0012345678910	0123456789
27	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
28	18137047	HồngNguyễn Phi Trường	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789
29	18137050	Nguyễn Thị Yến	DH18NL						9,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N.T. Hào



Mã nhận dạng 18593

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi

001_DH18CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Nam Quyền

Ngày Thi **02/03/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC			8,0	8,0	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng	DH18CC			9,0	9,0	5,0	6,6	0012345678910	0123456789
3	18118008	Phan Văn Chí	DH18CC			9,0	8,5	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
4	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC			9,0	8,0	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
5	18118033	Lê Phúc	DH18CC			7,0	7,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
6	18118036	Ứng Phương	DH18CC			9,0	7,0	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
7	18118014	Bạch Thanh	DH18CC			9,0	8,0	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
8	18118021	Nguyễn Tiến	DH18CC			5,0	8,0	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
9	18118022	Phan Thành	DH18CC			8,0	8,0	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
10	17137027	Từ Minh	DH17NL			5,0	5,0	3,5	4,1	0012345678910	0123456789
11	18118058	Đào Đăng	DH18CC			10	9,5	5,0	6,9	0012345678910	0123456789
12	18118077	Thét Chú	DH18CC			9,0	9,0	5,0	6,6	0012345678910	0123456789
13	18118078	Hồ Minh	DH18CC			8,0	8,5	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
14	18118086	Bùi Thị Trà	DH18CC			9,0	8,5	4,0	5,9	0012345678910	0123456789
15	18118090	Phan Trung	DH18CC			8,0	7,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
16	18118094	Bồ Tấn	DH18CC			8,0	7,0	5,0	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18593

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Nam Quyền**

Ngày Thi **02/03/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **CT102**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			9,0	7,5	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
18	18118100	Dương Thị Tuyết	DH18CC			9,0	8,5	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
19	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			5,0	7,0	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
20	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC			9,0	8,5	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
21	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			6,0	6,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
22	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			8,0	8,5	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
23	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			5,0	7,0	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
24	18118133	Lê Nguyễn Tuấn	DH18CC			7,0	8,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
25	18118137	Nguyễn Hoàng Thê	DH18CC			8,0	7,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
26	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			7,0	7,0	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
27	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC							0012345678910	0123456789
28	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			9,0	8,5	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
29	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC			8,0	8,0	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
30	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK			10	8,5	6,0	7,3	0012345678910	0123456789
31	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			8,0	8,0	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
32	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC			5,0	6,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18593

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Nam Quyền**

Ngày Thi **02/03/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **CT102**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC			8,0	9,0	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
34	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC			8,0	8,5	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
35	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC			9,0	8,0	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
36	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			6,0	7,0	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
37	18118183	Nguyễn Hồ Phú	DH18CC			9,0	8,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
38	18118185	Trần Phúc	DH18CC			8,0	8,5	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
39	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC			9,0	9,0	7,0	7,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 38. Số sinh viên vắng 4...

Ngày 15 Tháng 3 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 23/02/2022



Mã nhận dạng 18594

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_02**

Tổ Thi

001_DH18NL_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi **02/03/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Z ₀ %	Đ2 Z ₀ %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			6,0	8,5	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
2	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			7,5	9,0	10	9,2	0012345678910	0123456789
3	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			6,5	6,5	7,0	6,2	0012345678910	0123456789
4	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			6,0	8,5	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
5	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			8,0	6,0	3,0	4,9	0012345678910	0123456789
6	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			4,5	8,5	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
7	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			5,0	6,5	7,0	6,5	0012345678910	0123456789
8	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC							0012345678910	0123456789
9	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			10	8,5	10	9,6	0012345678910	0123456789
10	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			7,5	9,5	6,0	7,4	0012345678910	0123456789
11	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			7,0	8,0	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
12	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			8,0	8,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
13	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			3,0	7,0	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
14	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL			8,5	8,5	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
15	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			6,5	8,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
16	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			6,5	6,0	6,0	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18594

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_02**

Tổ Thi

001_DH18NL_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi **02/03/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL	<i>phat</i>		5,0	8,5	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
18	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL	<i>phat</i>		4,0	7,0	7,0	6,4	0012345678910	0123456789
19	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL	<i>phong</i>		6,0	7,5	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
20	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL	<i>pham</i>		4,5	8,0	9,0	7,8	0012345678910	0123456789
21	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL	<i>can</i>		7,5	7,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
22	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL	<i>quy</i>		6,5	7,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
23	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL	<i>tan</i>		8,0	6,5	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
24	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL	<i>thien</i>		6,5	8,5	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
25	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL	<i>tho</i>		8,0	8,0	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
26	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL	<i>tri</i>		7,5	9,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
27	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL	<i>truc</i>		6,5	8,0	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
28	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL	<i>trung</i>		9,0	7,0	4,0	5,9	0012345678910	0123456789
29	18137047	Hồng Nguyễn Phi Trường	DH18NL	<i>truong</i>		8,0	8,0	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
30	18137050	Nguyễn Thị Yến	DH18NL	<i>yen</i>		6,5	9,0	1,0	9,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18594

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_02**

Tổ Thi **001_DH18NL_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Hào**

Ngày Thi **02/03/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD203**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 2.9 Số sinh viên vắng ...0.1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Ngày in : 23/02/2022



Mã nhận dạng 18595

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207434)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi

001_DH18CKC_01

Tên CBGD

Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi **02/03/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			4	8.5	2	3.7	0012345678910	0123456789
2	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			5	7.0	2	3.6	0012345678910	0123456789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			9	9.5	8	8.5	0012345678910	0123456789
4	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			7.5	8.5	5	6.2	0012345678910	0123456789
5	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			6	8	5	5.9	0012345678910	0123456789
6	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			8	9	5	6.4	0012345678910	0123456789
7	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			7.5	7.5	5	6.0	0012345678910	0123456789
8	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC			4.5	8	6.5	6.4	0012345678910	0123456789
9	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			6	9	5	6.0	0012345678910	0123456789
10	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			8	8.5	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
11	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC							0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			8.5	9.5	8	8.4	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			7	7.5	6	6.5	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			7	8	2	4.2	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC			5	8	5	5.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 18595

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207434)** Số Tín Ch 3
Nhóm Thi **DH18CKC_01** Tổ Thi **001_DH18CKC_01** Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**
Ngày Thi **02/03/2022** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **HD201**

Trang 2

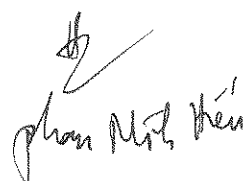
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 14. Số sinh viên vắng 1...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

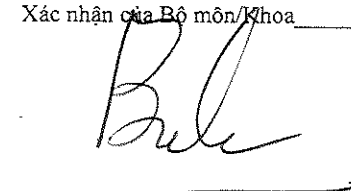
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

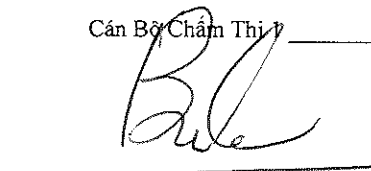

Phan Minh Hien


Trần Văn Tuấn

Xác nhận của Bộ môn/Khoa


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 23/02/2022



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17154028	Phạm Từ Hùng	DH17OT						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

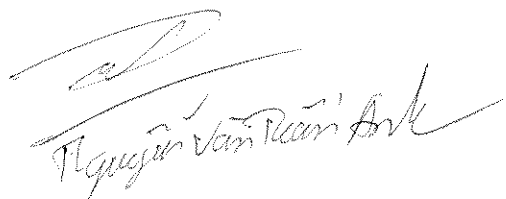
Cán bộ coi thi 1

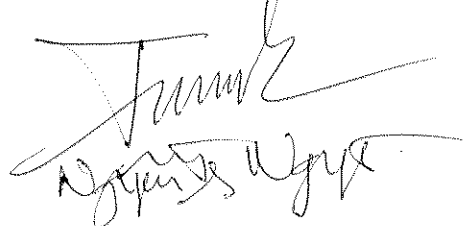
Cán bộ coi thi 2

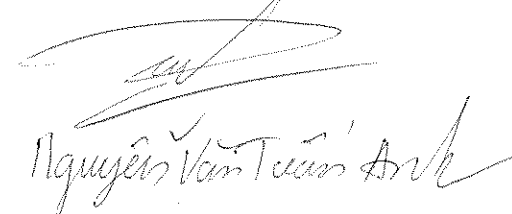
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Văn Tuấn Anh


Nguyễn Văn Tuấn Anh


Nguyễn Văn Tuấn Anh